B.13 Kinh Đại Duyên Phương Tiện

Kinh Trường A-Hàm (VNC PHVN, 2022)

13. KINH ĐẠI DUYÊN PHƯƠNG TIỆN1 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật cùng với đại chúng một ngàn hai trăm năm mươi vị Tỳ- kheo ngụ tại xứ Kiếp-ma-sa52 thuộc nước Câu-lmi-sa.3 [0060b01] Bây giờ, Tôn giả A-nan ở nơi thanh văng roi suy nghĩ như vây: "Thật kỳ diệu thay, giáo pháp về mười hai nhân duyên siêu việt trí tuệ4 mà đức Thế Tôn đã dạy thật sâu xa, thật khó hiểu nhưng theo tư duy quán sát của ta thì thấy như đang ở trước mắt, đâu có gì sâu xa?" Thế rồi, A-nan rời khỏi tịnh thất đến chỗ đức Thế Tôn, cúi đầu đảnh lễ sát chân Phật rồi ngồi sang một bên và bạch rằng: -Bạch đức Thế Tôn! Vừa rồi khi ở trong tịnh thất, con đã tự nghĩ thầm: "Thật kỳ diệu thay, giáo pháp về mười hai nhân duyên siêu việt trí tuệ mà đức Thế Tôn đã dạy thật sâu xa, thật khó hiểu nhưng theo tư duy quán sát của con thì thấy như đang ở trước mắt, đâu có gì sâu xa?" Bấy giờ, đức Thế Tôn bảo A-nan: -A-nan, thây hãy thôi đi! Chớ nói như thê. Giáo pháp vê mười hai nhân duyên siêu việt trí tuệ, rất sâu xa, khó hiểu. Này A-nan! Pháp mười hai nhân duyên này thật khó thấy, khó hiểu, cho đến hàng chư thiên, Ma vương, Phạm thiên, Sa-môn, Bà-la-môn, những người chưa thấy pháp nhân duyên này mà muốn tư duy, quán sát, phân biệt nghĩa lý thì đều mịt mờ, không thể thấy được. Này A-nan, nay Ta nói với thây: "Gi chét đêu có duyên.^, Nêu có người hỏi: "Cái gì làm duyên cho già chết?" Nên đáp: “Sanh làm duyên cho già chết.^, Nếu lại hỏi: “Cái gì làm duyên cho sanh?^, Nên đáp: "Hữu làm duyên cho sanh.,, Nếu hỏi: "Cái gì làm duyên cho hữu?,, Nên đáp: "Thủ làm duyên cho hữu.” Nếu lại hỏi: "Cái gì làm duyên cho thủ?^, Nên đáp: "Ai làm duyên cho

1 Nguyên tác: Đại duyên phương tiện kỉnh (TOI. 0001.13. 0060a28). Tham chiếu: Phật thuyết Nhân bổn dục sanh kinh (roi. 0014. 0241 c23); Phật thuyết Đại sanh nghĩa kinh (r.Ol. 0052. 0844b09); Đại nhân kỉnh (r.01. 0026.97. 0578b07); D. 15, Mahānidāna Sutta (Kỉnh Đại duyên). 2 Kiếp-mạ-sa (Kammāsadam hay Kammāsadamma) cũng gọi Kiếm-ma-sắt-đàm (), một thị trấn (nigamo) của nước Câu-lưu-sa ().Ngoài bản kinh này ra, cũng tại thi trấn này, đúc Phật đã giảng nhiều bài kinh quan trọng khác như D. 22Mahāsatipatthana Sutta (Kỉnh Đại niệm xứ); M. 106, Anenjasappāya Sutta (Kinh Bát động lợi ích). 3 Câu-lưu-sa (Kurūsu) cũng gọi là Kuru, một trong 16 nước lớn thời Phật. 4 Nguyên tác: Quang (? Ãtapà) và Minh (Āloko). Theo Thập địa kinh luận (26. 1552.5. 0155al0), 2 yêu tô này chỉ cho trí tuệ siêu việt của Như Lai.

thủ.,, Nếu lại hỏi: "Cái gì làm duyên cho 5i?" Nên đáp: "Thọ làm duyên cho ái." Nêu lại hỏi: "Cái gì làm duyên cho thq?” Nên đáp: "Xúc làm duyên cho thQ." Nếu lại hỏi: “Cái gì làm duyên cho xúc?" Nên đáp: "Lục nhập làm duyên cho xiic.” Nếu lại hỏi: "Cái gi làm duyên cho lục nháp?” Nên đáp: "Danh sắc làm duyên cho lục nháp." Nêu lại hỏi: :Cái gì làm duyên cho danh sắc?” Nên đáp: "Thức làm duyên cho danh sắc." Nếu lại hỏi: "Cái gì làm duyên cho thức?" Nên đáp: “Hành làm duyên cho thức.” Nếu lại hỏi: "Cái gì làm

duyên cho hành?” Nên đáp: "V6 minh làm duyên cho hành.^, Này A-nan! Như vậy, do vô minh duyên hành, hành duyên thức, thức duyên danh sắc, danh sắc duyên lục nhập, lục nhập duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên ái, ái duyên thủ, thủ duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên già chết, lo, buồn, khổ, não rồi kết thành một khối khổ lớn. Đó là nhân duyên của khối khổ lớn này. Phật bảo A-nan: Do sanh mà có già chét, nghĩa này là thê nào? Giả sử tát cả chúng sanh không có sanh thì liệu có già chết không? [0060c02] A-nan đáp: Thưa, không! Thế nên, A-nan, do nhân duyên này biết được già chết do sanh, duyên sanh có già chết, nghĩa của Ta nói chính là như thế. Này A-nan, duyên hữu mà có sanh, nghĩa này là thế nào? Giả sử tất cả chúng sanh không có dục hữu, sắc hữu và vô sắc hữu thì liệu có sanh không? A-nan đáp: -Thưa, không! Thế nên, A-nan, Ta nhờ nhân duyên này nên biết sanh do hữu, duyên hữu mà có sanh, nghĩa của Ta nói chính là như the. Này A-nan! Duyên thủ mà có hữu, nghĩa này là the nào? Giả sử tất cả chúng sanh không có dục thủ, kiến thủ, giới cấm thủ và ngã thủ thì liệu có hữu không? A-nan đáp: Thưa, không! Này A-nan! Ta nhờ nhân duyên này nên biêt hữu do thủ, duyên thủ có hữu, nghĩa của Ta nói chính là như thế. Này A-nan? duyên ái mà có thủ, nghĩa này là thế nào? Giả sử tất cả chúng sanh không có dục ái, hữu ái và vô hữu ái thì liệu có thủ không? Thưa, không! Thế nên, A-nan, Ta nhờ nhân duyên này nên biết thủ do ái, duyên ái có thủ, nghĩa của Ta nói chính là như the. Này A-nan, duyên thọ mà có ái, nghĩa này là thế nào? Giả sử tất cả chúng sanh không có lạc thọ, khổ thọ và bất khổ bất lạc thọ thì liệu có ái không?

-Thưa, không! - Thế nên, A-nan, Ta nhờ nhân duyên này nên biết ái do thọ, duyên thọ mà có ái, nghĩa của Ta nói chính là như thế. A-nan nên biết, do tham ái mà có tìm cầu, do tìm cầu mà có lợi dưỡng, do lợi dưỡng mà có thọ dụng, do thọ dụng mà có tham muôn, do tham muôn mà có đăm trước, do đăm trước mà có ganh ghét, do ganh ghét mà có chấp thủ, do chấp thủ mà có phòng hộ. Này A-nan, do có sự phòng hộ mới có dao gậy, tranh giành, kiện tụng, tạo ra vô số điều ác. Nghĩa của Ta nói chính là như thế. Này A-nan! Nghĩa này là thế nào? Giả sử tất cả chúng sanh nếu không có phòng hộ thì liệu có dao gậy, tranh giành, kiện tụng rồi tạo ra vô số điều ác không? Thua, không! Thê nên A-nan, Ta nhờ nhân duyên này nên biêt dao gậy, tranh tụng là do phòng hộ phát sanh, do phòng hộ mà có dao gậy, tranh tụng. A-nan, nghĩa của Ta nói chính là như thế. Này A-nan, do chấp thủ mà có phòng hộ, nghĩa này là thế nào? Giả sử tất cả chúng sanh không có chấp thủ thì liệu có tâm phòng hộ không? Thưa, không! - Thế nên, A-nan, Ta nhờ nhân duyên này nên biết phòng hộ là do chấp thủ, do chấp thủ mà có phòng hộ, nghĩa của Ta nói chính là như thế. Này A-nan! Do ganh ghét mà có chấp thủ, nghĩa này là thế nào? Giả sử tất cả chúng sanh không có tâm ganh ghét thì liệu có tâm chấp thủ không? [0061a03] A-nan đáp: -Thưa, không! _ - £ Này A-nan! Ta nhờ nhân duyên này nên biêt thủ do ganh ghét, nhân ganh r r ghét mà có châp thủ, nghĩa của Ta nói chính là như thê. Này A-nan! Do đăm trước mà có ganh ghét, nghĩa này là thế nào? Giả sử tất cả chúng sanh không đắm trước thì liệu có ganh ghét không? Thua, không! -Này A-nan! Ta nhờ nhân duyên này nên biết ganh ghét là do đắm trước, nhân đắm trước mà có ganh ghét, nghĩa của Ta nói chính là như thế. Này A-nan! r / __ r Do tham muôn

mà có đăm trước, nghĩa này là thê nào? Giả sử tát cả chúng sanh không có tham muốn thì liệu có đắm trước không? Thua, không! Này A-nan! Ta nhờ nhân duyên này nên biết đắm trước do tham muốn, do tham muốn mà có đắm trước, nghĩa của Ta nói chính là như thế. Này A-nan, do thọ dụng mà có tham muốn, nghĩa này là thế nào? Giả sử tất cả chúng sanh không thọ dụng thì liệu có tham muốn không? Thưa, không!

700 KINH TRƯỜNG A-HÀM

Này A-nan! Ta nhờ nhân duyên này nên biết tham muốn là do thọ dụng, do thọ dụng mà có tham muốn, nghĩa của Ta nói chính là như thế. Lại nữa, này A-nan5 do được lợi mà có thọ dụng, nghĩa này là thế nào? Giả sử tất cả chúng sanh không có được lợi thì liệu có thọ dụng không? Thưa, không! - Này A-nan, Ta nhờ nhân duyên này nên biết thọ dụng do được lợi, do được lợi mà có thọ dụng, nghĩa của Ta nói chính là như thế. Lại nữa, này A-nan! Do tìm câu mà có được lợi, nghĩa này là thê nào? Giả sử tát cả chúng sanh không có tìm cầu thì liệu có được lợi không? Thưa, không! Này A-nan, Ta nhờ nhân duyên này nên biêt được lợi là do tìm câu, do tìm cầu mà được lợi, nghĩa của Ta nói chính là như thế. Này A-nan! Do tham ái mà có tìm cầu, nghĩa này là thế nào? Giả sử tất cả chúng sanh nếu không có tham ái thì liệu có tìm cầu không? Thua, không! Thê nên A-nan, Ta nhờ nhân duyên này nên biêt tìm câu là do tham ái, do tham ái mà có tìm câu, nghĩa của Ta nói chính là như thê. Này A-nan! Do tham ái mà có tìm cầu, cho đến có thủ hộ, thọ cũng như vậy, do thọ mà có tìm cầu, cho đến có thủ hộ cũng như thế. Phật bảo A-nan: Do xúc mà có thọ là nghĩa thê nào? A-nan! Giả sử không có nhãn căn, không có sắc trần, không có nhãn thức thì liệu có xúc không? A-nan đáp: Thưa, không! Giả sử không có nhĩ căn, không có thanh trân và không có nhĩ thức; không có tỷ căn, không có hương trần và không có tỷ thức; không có thiệt căn, không có vị trần và không có thiệt thức; không có thân căn, không có xúc trần và không có thân thức; không có ý căn, không có pháp trần và không có ý thức thì liệu có xúc không? Thua, không! Này A-nan! Giả sử tất cả chúng sanh không có xúc thì liệu có thọ không? [OOólbOl] A-nan đáp: Thưa, không! Thế nên, A-nan, Ta nhờ nhân duyên này nên biết thọ do xúc, do xúc mà có thọ, nghĩa của Ta nói chính là như thế. Này A-nan, do danh sắc mà có xúc, nghĩa này là thê nào? Giả sử tát cả chúng sanh không có danh sác thì liệu có xúc không? Thua, không!

13. KINH ĐẠI DUYÊN PHƯƠNG TIỆN 701

A-nan, giả sử tất cả chúng sanh không có hình sắc và tướng mạo thì liệu có xúc không? Thưa, không! Này A-nan! Nếu không có danh sắc thì liệu có xúc không? Thưa, không! Thế nên A-nan, Ta nhờ nhân duyên này nên biết xúc do danh sắc, duyên danh sắc mà có xúc, nghĩa của Ta nói chính là như thế. Này A-nan, do thức mà có danh sắc, nghĩa này là thế nào? Giả sử thức không nhập thai mẹ thì liệu có danh sắc không? A-nan đáp: Thưa, không! Nếu thức nhập thai rồi nhtrng không sanh ra thì liệu có danh sắc không? Thưa, không! Nêu thức xuất sanh với thai mà đứa trẻ ây qua đời thì liệu danh sác có tăng trưởng không? Thưa, không! Này A-nan! Nêu không có thức thì có danh sác không? Thua, không! Thế nên A-nan, Ta nhờ nhân duyên này nên biết danh sắc do thức, duyên thức mà có danh sắc, nghĩa Ta nói chính

là như thế. Này A-nan! Do danh sắc mà có thức, nghĩa này là thế nào? Giả sử thức không trú nơi danh sắc, tức là thức không có chỗ trú, nếu thức không có chỗ trủ thì liệu có sanh, già, bệnh, chết, lo, buồn, khổ, não không? A-nan đáp: Thua, không! -Này A-nan! Nếu không có danh sắc thì có thức không? Thưa, không! Thế nên A-nan, Ta nhờ nhân duyên này nên biết thức do danh sắc, duyên danh sắc mà có thức, nghĩa của Ta nói chính là như thế. Này A-nan, thế nên, danh sắc làm duyên cho thức, thức làm duyên cho danh sắc; danh sắc làm duyên cho lục nhập, lục nhập làm duyên cho xúc; xúc làm duyên cho thọ, thọ làm duyên cho ái; ái làm duyên cho thủ, thủ làm duyên cho hữu; hữu làm duyên cho sanh, sanh làm duyên cho già, chét, lo, buôn, khô, não roi két thành một khối khổ lớn. Này A-nan! Trong giới hạn ây là ngôn ngữ, trong giới hạn ây là sự thích ứng, trong giới hạn ấy là hạn lượng, trong giới hạn ấy là sự diễn thuyết rộng rãi, trong giới hạn ấy là trí tuệ quán sát, trong giới hạn ấy là chúng sanh.

Này A-nan! Những Tỳ-kheo nào quán sát chân chánh giáo pháp này đúng như thật thì được Tâm vô lậu giải thoát.5 Này A-nan, những Tỳ-kheo đó xứng đáng được gọi là bậc Tuệ giải thoát.6 Đối với nhũng Tỳ-kheo đã được giải thoát như vậy thì Như Lai mạng chung, vị ấy cũng biết; Như Lai không mạng chung, vị ấy cũng biết; Như Lai vừa mạng chung, vừa không mạng chung, vị ấy cũng biết; Như Lai không mạng chung, cũng không phải không mạng chung, vị ấy cũng biết. Tại sao như vậy? Này A-nan, vì trong giới hạn ấy là ngôn ngữ, trong giới hạn ấy là sự thích ứng, trong giới hạn ấy là hạn lượng, trong giới hạn ấy là sự diễn thuyết rộng rãi, trong giới hạn ấy là trí tuệ quán sát, trong giới hạn ấy là chúng sanh. Sau khi đã hiên biết tận cùng rồi thì vi Tỳ-kheo với Tâm vô lậu giải thoát không biết, không thấy tri kiến như vậy.7 Này A-nan, đối với sự chấp ngã, cho đến giới hạn nào thì được gọi là ngã kiến? Danh sắc và thọ đều được chấp là ngã. Có người nói: "Thọ chẳng phải là ngã, ngã là thQ." Hoặc có người nói: "Thọ chẳng phải là ngã, ngã chang phải thọ nhưng thọ pháp là ngâL” Hoặc có người nói: "Thọ chẳng phải là ngã, ngã chẳng phải là thọ, thọ pháp chẳng phải là ngã nhưng chỉ có thọ là nga." [0061C06] Này A-nan, đối với người thấy có ngã, cho rằng "thọ là nga,9 thì hãy nói với người đó rằng: "Dức Như Lai nói: 'Có ba thọ là lạc thọ, khổ thọ và bất khổ bất lạc thọ. Trong lúc có lạc thọ thì không có khổ thọ, không có bất khổ bất lạc thọ. Trong lúc có khổ thọ thì không có lạc thọ, khônệ có bất khổ bất lạc thọ. Trong lúc cảm thấy bất khổ bất lạc thọ thì không có kho thọ hay lạc thọ.9,9 Tại sao thế? Này A-nan! Vì có xúc chạm cảnh vui làm duyên mới sanh ra lạc thọ. Nếu như sự xúc chạm cảnh vui đó diệt thì thọ cũng diệt. Này A-nan! Vì có sự xúc chạm cảnh khổ làm duyên nên sanh ra khổ thọ, nếu như sự xúc chạm cảnh khổ diệt thì thọ cũng diệt. Này A-nan! Vì sự xúc chạm cảnh không khổ không vui làm duyên nên sanh ra bất khổ bất lạc thọ, nếu sự xúc chạm cảnh không khổ không vui diệt thì thọ cũng diệt. Này A-nan! Ví như hai khúc cây cọ vào nhau thì sẽ phát ra lửa, nếu hai khúc cây đe ở hai nơi khác nhau thì sẽ không có lửa. Trường hợp này cũng vậy, vì do xúc chạm cảnh vui làm duyên nên sanh ra lạc thọ, nếu sự xúc chạm cảnh vui diệt thì thọ cũng diệt Do sự xúc chạm cảnh khổ làm duyên nên sanh ra khổ thọ, nếu sự xúc chạm cảnh kho diệt thì thọ cũng diệt. Do sự xúc chạm cảnh không khổ không lạc làm duyên nên sanh ra bất khổ bất lạc thọ, nếu sự

xúc chạm cảnh không khổ không vui diệt thì thọ cũng diệt.

5 Nguyên tác: Chư Ty-kheo ư thử pháp trung như thật chánh quán, vô lậu tâm giải thoát .Tham chiếu: Nhân bổn dục sanh kỉnh7.01.
0014.1. 0245c29: “Nhu vậy, này A-nan! Như có người nhờ sự hiêu biết của trí tuệ chân thực, nương vào trí tuệ đó nên tâm được giải thoát, do vậy được gọi là bậc đã giải thoáf, i ' 6 Tuệ giải thoát ,Paññāvimutto, nhờ
dùng trí tuệ đoạn dứt vô minh phiền não mà được giải thoát. 7 Nguyên tác: Tỳ-kheo bất tri, bất kiến nhự thị tri kiến ,tức không còn có quan điểm về Như Lai
tồn tại hay không tồn tại...

13. KINH ĐẠI DUYÊN PHƯƠNG TIỆN 703

Này A-nan, ba loại thọ này là pháp hữu vi, vô thường, do nhân duyên mà sanh nên là pháp tan rã5 là pháp diệt tận, là pháp hư hoại. Vì pháp ấy chẳng phải từ ngã mà có và ngã cũng chăng phải từ pháp ây mà có. Cho nên, hãy vận dụng chánh trí mà quán chiếu các pháp đúng như thực thể của nó. A-nan, người thấy có ngã, rồi cho rằng uthọ là ngã,9 thì người ấy thật sai lầm. Này A-nan, với những ai thấy có ngã, nói rằng: "Thọ chẳng phải là ngã, ngã là thọ,5 thì nen nói với họ rằng: :Dức Như Lai nói: 'Có ba loại thọ là lạc thọ, khổ thọ và bất khổ bất lạc thọ. Nếu lạc thọ là ngã, khi lạc thọ diệt mất thì sẽ có hai ngã, điều này thật sai lầm. Nêu khổ thọ la ngã, khi khổ thọ diệt mất thì sẽ có hai ngã, điều này thật sai lầm. Nêu bất khổ bất lạc thọ là ngã, khi bất khổ bất lạc thọ diệt mất thì sẽ có hai ngã, điều này thật sai A-nan, với những ai thấy có ngã, cho rằng "thọ không phải là ngã, ngã là thQ” thì người ấy thật sai lầm. Này A-nan? với những ai chập ngã, họ lập luận răng: "Thọ chăng phải là ngã, ngã chẳng phải là thọ, thọ pháp là ngáp thì hãy nói với họ: “Tất cả không có thọ, tại sao ngươi lại nói có thọ pháp? Chính ngươi là thọ pháp chng?" Người ấy đáp: "Không phi" Thế nên, A-nan, những ai chấp ngã,
lập luận rằng: "Thọ chẳng phải là ngã, ngã chẳng phải là thọ, thọ pháp là ngâT thi người ấy thật sai lầm. [0062a04] Này A-nan? với những ai chấp có ngã, nói rằng: "Thọ chẳng phải là ngã, ngã chẳng phải là thọ, thọ pháp chang phải là ngã, chỉ có thọ là ngM',8 thì nên hỏi họ: "Tất cả không có thọ, tại sao ngươi lại nói có thọ? Chính nguôi là thọ u?" Đáp: "Kh6ng!” Thế nên, A-nan, với những ai chấp có ngã, nói răng: "Thọ chẳng phải là ngã, ngã chẳng phải là thọ, thọ pháp chẳng phải là ngã, chỉ có thọ là ngâT thì người ấy thật sai lâm. A-nan, trong giới hạn ây là ngôn ngữ, trong giới hạn ấy là sự thích ứng, trong giới hạn ấy là hạn lượng, trong giới hạn ấy là sự diễn thuyết rộng rãi, trong giới hạn ấy là trí tuệ quán sát, trong giới hạn ấy là chúng sanh. A-nan! Những Tỳ-kheo nào quán sát chân chánh giáo pháp này đúng như thật thì được Tâm vô lậu giải thoát. Này A-nan, những Tỳ-kheo đó xứng đáng được gọi là bậc Tuệ giải thoát. Tỳ-kheo với tâm giải thoát như vậy, nếu có ngã cũng biết, không có ngã cũng biết, vừa có ngã vừa không có ngã cũng biết, chẳng có ngã chẳng phải không có ngã cũng biết. Vì sao như vậy? Này A-nan, vì trong giới hạn ấy là ngôn ngữ, trong giới hạn ấy là sự thích ứng, trong giới hạn ấy là hạn lượng, trong giới hạn ấy là sự diễn thuyết rộng rãi, trong giới hạn ấy là trí tuệ quán sát, trong giới hạn ấy là chúng sanh. Sau khi đã hiểu biết tận cùng rồi thì vi Tỳ-kheo với Tâm vô lậu giải thoát không biết, không thấy tri kiến như

vậy. Phật bảo A-nan: Những người chấp ngã, cho đến giới hạn nào thì được xác định? Những người chấp ngã họ sẽ lý luận: "Một phần ít sắc là ngã^; hoặc nói: "Nhiều phần*

8 Nguyên tác: Ái .Các bản Tống, Nguyên, Minh đều ghi là "thẹ".

Sắc là ngỗT; hoặc nói: "Một phần ít vô sắc la nga^; hoặc nói: "Nhiều phần vô sắc là ngâư' A-nan! Những người chấp một phần ít sắc là ngã, xác định rằng "một phần ít sắc là ngã, quan điểm của ta là đúng, còn lại đều sai." Những người chấp nhiều phần sắc là ngã, xác định rằng "nhiều phần sắc là ngã, quan điểm của ta là đúng, còn lại đều sai." Những người chủ trương một phần ít vô sắc là ngã, xác đinh rằng "một phần ít vô sắc là ngã, quan điểm của ta là đúng, còn lại đều sai." Những người nói nhiều phần vô sắc là ngã, xác định rằng “nhiều phần vô sác là ngã, quan diêm của ta là đúng, còn lại đêu sai.” Phật bảo A-nan: Có bảy chỗ thức trú và hai nơi thể nhập9 mà các Sa-môn và Bà-la-môn đều cho rằng đây là nơi an on, là nơi cứu vớt, là chỗ hộ trì, là nhà cửa, là ngọn đèn, là ánh sáng, là nơi quy thú, là không hư vọng, là không phiền não. Những gì là bảy? Có thế giới mà chúng sanh ở trong đó có bao nhiêu thân thì có bấy nhiêu tưởng, đó là cõi trời và cõi người. Đây là trú xứ thứ nhát của thức, là nơi mà các Sa-môn và Bà-la-môn cho rằng: "Đây là nơi an ổn, là nơi cứu vớt, là chỗ hộ trì, là nhà cửa, là ngọn dèn, là ánh sáng, là nơi quy thú, là không hư vọng, là không phiền nO."Này A-nan, nếu Tỳ-kheo nào biết chỗ thức trú thứ nhất này, biết sự tập khởi, biết sự diệt tận, biết vị ngọt, biết sự tai hại, biết sự xuất ly, biết một cách như thật, thì này A-nan, Tỳ-kheo ấy sẽ nói với tri kiến như thật: "Điều ấy chẳng phải là ta, ta chẳng phải là điều ấy." Có thế giới mà chúng sanh ở trong đó có nhiều thân nhưng chỉ có một tưởng, đó là cõi trời Phạm Quang Âm. Có thế giới mà chúng sanh ở trong đó chỉ có một loại thân nhưng lại có nhiều tưởng, đó là cõi trời Quang Âm. CÓ thê giới mà chúng sanh ở trong đó chỉ có một thân và một tưởng, đó là cõi trời Biến Tịnh. Có chúng sanh ở cõi Không Vô Biên Xứ. Có chúng sanh ở cõi Thức Vô Biên Xứ. Có chúng sanh ở cõi Bất Dụng Xứ.10 Đó là bảy chỗ thức trú mà các Sa-môn và Bà-la-môn thường cho đây là nơi an ổn, là nơi cứu vớt, là chỗ hộ trì, là nhà cửa, là ngọn đèn, là ánh sáng, là nơi quy thú, là không hư vọng, là không phiền não. Này Anan, nếu Tỳ-kheo nào biết rõ bảy chỗ thức trú này, biết sự tập khởi, biết sự diệt tận, biết vị ngọt, biết sự tai hại, biết sự xuất ly, biết một cách như thật thì này A-nan? Tỳ-kheo ấy sẽ nói với tri kiến như thật: "Biều ấy chẳng phải là ta, ta chẳng phải là điều ấy.”

9 Nguyên tác: Nhập xứ ,āyatana: Cảnh giới, khu vực, nền tảng, cảm quan, vị trí. 10 Bất dụng xứ còn gọi là định Bất dụng xứ, một trong 4 định cõi Vô sắc. Định Bất dụng xứ cũng gọi là Vô sở hữu xứ.

[0062bl3] Thế nào là hai nơi thể nhập? Là thể nhập cõi Vô Tưởng11 và cõi Phi Tưởng Phi Vô Tưởng.12 Này A-nan? đối với hai chỗ nhập định này, các Sa- môn và Bà-la-môn cho là nơi an ổn, là nơi cứu vớt, là chỗ hộ trì, là nhà cửa, là ngọn dèn, là ánh sáng, là nơi quy thú, là không hư vọng, là không phiền não. Này A-nan, nếu Tỳ-kheo nào biết

hai chỗ thể nhập, biết sự tập khởi, biết sự diệt tận, biêt vi ngọt, biêt sự tai hại, biêt sự xuât ly5 biêt đúng như thật thì này A-nan, Tỳ-kheo ấy sẽ nói với tri kiến như thật: "Biều ấy chẳng phải là ta, ta chẳng phải là điều ấy." Này A-nan, lại có tám giải thoát. Thế nào là tám? Một là, có sắc, quán sắc; hai là, bên trong không có sắc tưởng, quán ngoại sắc; ba là, tịnh giải thoát; bốn là, vượt qua sắc tưởng, diệt hữu đối tưởng, không niệm tưởng tạp loạn, trú vào Không vô biên xứ; năm là, vượt * e khỏi Không vô biên r xứ, trú vào Thức vô biên xứ; sáu là, vượt khỏi Thức vô biên xứ, trú vào Bát dụng xứ; bảy là, vượt khỏi Bất dụng xứ, tru vào Hữu tưởng vô tưởng xứ và tám là Diệt tận định. Này A-nan! Nếu Tỳ-kheo nào đối với tám giải thoát này mà thông suốt thuận nghịch, ra vào tự tại thì vị Tỳ-kheo ấy được tâm giải thoát và tuệ giải thoát.13 Bấy giờ, Tôn giả A-nan nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

11 Vô Tưởng nhập .MĀ. 97 gọi là Vô Tưởng thiên Asaññasattāyatana. ^PhiTuon^PhiVo Tưởng nhập .MĀ. 97 gọi là Phi Hữu Tưởng Phi Vô Tưởng Xứ Nevasaññānāsaññayatana. Đây là cảnh giới cao nhất trong cõi Vô sắc nhưng Tỳ-kheo cũng không dính mắc. 13 Nguyên tác: Câu giải thoát ,giải thoát cả 2 phần, tức là Tâm giải thoát và Tuệ giải thoát.

Nguồn: Giảng Sư (giangsu.io.vn) — văn bản trích từ kho sách cổ và kinh điển.